

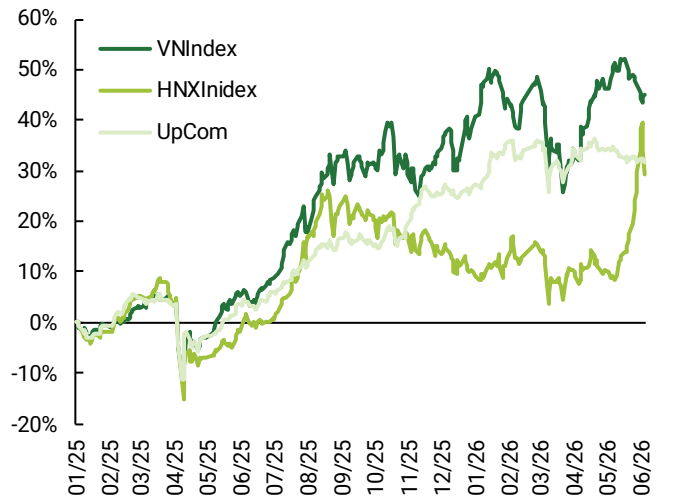
VN-Index **1838.9 (0.40%)**
549 Tr. cổ phiếu 13892.8 Tỷ VND (-37.55%)

HNX-Index **293.79 (-3.63%)**
58 Tr. cổ phiếu 847.4 Tỷ VND (8.46%)

UPCOM-Index **125.09 (-0.61%)**
38 Tr. cổ phiếu 462.1 Tỷ VND (-8.73%)

VN30F1M **1982.00 (-0.02%)**
131,247 HD OI: 37,028 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1838.9, tăng +7.3 điểm (+0.40%). Thanh khoản duy trì mức thấp với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Dù nhóm Vingroup đóng vai trò nâng đỡ đáng kể, áp lực điều chỉnh trên diện rộng ở mặt bằng cổ phiếu đã khiến đà tăng của chỉ số phần nào thu hẹp.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+1.3%), VIC (+3.4%), CRE (+6.1%) | Du lịch và Giải trí: VPL (+0.9%), VJC (+7.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: LPB (-1.7%), BID (-1.5%) | Thực phẩm và đồ uống: ASM (-1.3%), MSN (-1.2%), IDI (-1.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (-3.0%), GEX (-2.3%), GEE (-1.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (-1.8%), GEG (-1.1%) | Dịch vụ tài chính: DSE (-3.4%), EVF (-1.9%), TCI (-1.6%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VJC, TCB, VPL - Chiều giảm | BID, VCB, LPB, GVR, BSR.
Khối ngoại Mua ròng gần 300 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, ACB, FPT, trong khi bán ròng: MSN, HPG, VPB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** thu hẹp đà tăng khi tiếp cận kháng cự 1850 điểm. Thanh khoản duy trì mức thấp cùng độ rộng nghiêng về số mã giảm hàm ý dòng tiền tiếp tục thận trọng. Trong ngắn hạn, chỉ số vẫn có cơ hội kiểm định lại vùng 1850–1860 điểm nhờ lực đỡ từ nhóm vốn hóa lớn. Tuy nhiên, sự thiếu đồng thuận của dòng tiền có thể làm gia tăng rủi ro điều chỉnh tại các cổ phiếu riêng lẻ, đặc biệt với những mã đã hồi phục trước đó. Ngưỡng 1810 điểm hiện đóng vai trò duy trì động lượng. Nếu chỉ số đảo chiều và đánh mất ngưỡng này, rủi ro xuyên thủng mốc tâm lý 1800 điểm sẽ gia tăng. Đồng thời, mở rộng nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ thấp hơn quanh 1750–1760 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số sụt giảm với mẫu hình nền Marubozu. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động mạnh ở mã THD và KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu các cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình và ưu tiên quan sát quá trình kiểm định vùng đáy gần. Trong bối cảnh dòng tiền chưa xác nhận rõ ràng, NĐT nên thận trọng trước các nhịp bật tăng kỹ thuật. Việc giải ngân chỉ nên cân nhắc khi xuất hiện tín hiệu cải thiện rõ nét về thanh khoản cũng như sức mạnh giá. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, có thể lựa chọn các cổ phiếu đã hoàn thiện mẫu hình tạo đáy và thu hút dòng tiền trở lại.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,838.9	0.4%	-1.3%	-1.9%	13,892.8	-37.5%	-29.2%	-38.0%	548.8	-16.9%	-20.4%	-29.2%
HNX-Index	293.8	-3.6%	-0.4%	18.7%	847.4	8.5%	-3.7%	-33.0%	57.5	20.4%	15.5%	-15.8%
UPCOM-Index	125.1	-0.6%	-0.1%	-1.7%	462.1	-8.7%	8.1%	-28.5%	38.3	66.9%	-8.7%	23.6%
VN30	1,986.3	0.2%	-0.5%	-2.3%	9,094.3	-43.7%	-23.8%	-29.5%	261.4	-19.7%	-13.3%	-23.2%
VNMID	2,127.5	-0.6%	-1.0%	-2.7%	3,974.4	-5.3%	-36.8%	-50.9%	190.4	1.4%	-37.7%	-47.3%
VNSML	1,350.7	-0.3%	-0.7%	-3.8%	504.0	-63.1%	-40.9%	-52.9%	40.6	-46.3%	-33.7%	-33.2%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	640.9	-0.4%	-0.91%	1.4%	4,645.7	-19.7%	-12.6%	-30.9%	216.0	-10.1%	-6.8%	-23.9%
Bất động sản	960.4	2.3%	-1.7%	-2.3%	2,218.0	-68.2%	-39.0%	-53.4%	66.5	-32.2%	-32.8%	-50.4%
Dịch vụ tài chính	303.5	-0.6%	-1.7%	-0.4%	1,576.0	6.0%	-23.6%	-44.8%	74.3	2.4%	-24.4%	-43.8%
Công nghiệp	275.0	-1.4%	0.4%	0.6%	580.9	-46.8%	-28.2%	-59.7%	16.9	-48.2%	-28.6%	-58.3%
Tài nguyên cơ bản	522.6	-0.7%	-0.5%	-0.9%	436.8	10.2%	-14.4%	-47.9%	21.9	6.7%	-15.3%	-42.5%
Xây dựng - Vật Liệu	167.0	-0.5%	-0.8%	-4.2%	523.0	16.5%	-7.5%	-54.3%	27.7	12.5%	-14.5%	-49.8%
Thực phẩm	485.4	-0.5%	-7.4%	-28.1%	735.8	-54.0%	-30.1%	-42.3%	17.8	-44.2%	-27.2%	-38.7%
Bán Lẻ	1,432.6	-0.7%	1.2%	-8.1%	403.3	-64.7%	-36.7%	-50.3%	5.4	-70.1%	-41.8%	-52.1%
Công nghệ	409.1	-1.4%	4.4%	2.1%	938.1	-0.03%	-23.1%	-14.0%	13.1	-0.3%	-26.1%	-21.2%
Hóa chất	180.7	-1.1%	-1.0%	-3.0%	294.1	-0.6%	-6.2%	-51.4%	9.5	10.4%	-1.8%	-43.3%
Tiện ích	773.9	-0.5%	-1.4%	4.8%	257.3	-29.9%	-9.4%	-50.5%	11.2	1.5%	6.2%	-45.2%
Dầu khí	114.5	-0.9%	-2.0%	4.4%	442.1	-25.6%	-0.01%	-50.3%	12.9	-26.5%	-6.0%	-53.2%
Dược phẩm	409.7	-0.04%	-0.5%	-2.5%	25.9	-84.3%	-66.7%	-68.1%	1.2	-69.3%	-65.9%	-67.5%
Bảo hiểm	109.0	-0.4%	1.6%	0.7%	20.9	-41.7%	-41.6%	-67.6%	0.5	-40.4%	-44.1%	-68.1%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,831.6	0.69%	2.6%	14.9x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,595	0.42%	26.6%	16.6x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	5,840	-1.70%	-32.5%	14.3x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,562	0.39%	2.1%	15.5x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,912	-0.69%	-2.3%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,058	-0.64%	2.2%	20.1x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,253	-1.48%	-1.5%	13.3x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	67,471	-1.36%	34.0%	25.3x	3.2x
S&P 500	Mỹ	7,554	-0.74%	10.3%	27.8x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	50,687	-1.21%	5.5%	24.4x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,246	-0.84%	3.2%	16.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,058	0.08%	4.6%	17.3x	2.4x
DXY		99.3	0.08%	1.0%		
USDVND		26,335	-0.03%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

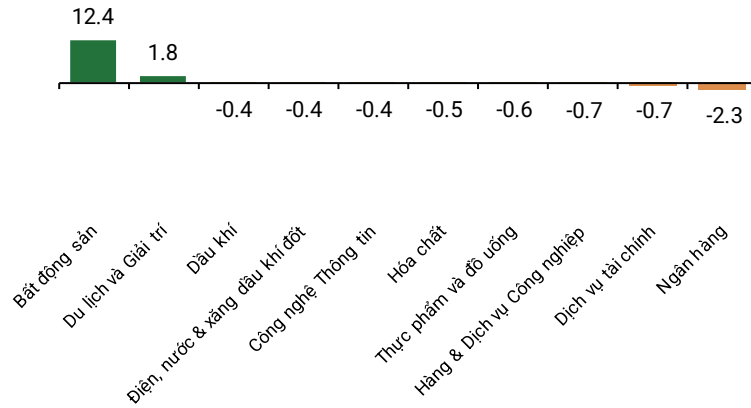
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.32%	-15.7%	58.6%	48.8%
Dầu WTI	▼	-1.00%	-10.7%	65.6%	51.2%
Khí gas	▲	1.1%	13.3%	-11.9%	-12.6%
Than cốc (*)	▬	0.0%	10.1%	13.9%	30.2%
Thép HRC (*)	▼	-0.3%	0.2%	4.2%	6.2%
PVC (*)	▼	-1.8%	-8.1%	4.9%	0.6%
Phân Urea (*)	▬	0.9%	-31.2%	32.5%	40.3%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.7%	6.1%	28.1%	43.1%
Bông Cotton	▼	-0.8%	-5.5%	18.5%	17.2%
Đường	▬	0.9%	-6.0%	-4.3%	-14.2%
World Container Index	▲	22.6%	54.9%	55.1%	36.9%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.4%	-24.2%	58.2%	117.5%
Vàng	▬	0.82%	-1.1%	3.5%	32.6%
Bạc	▬	0.97%	0.9%	2.4%	112.8%

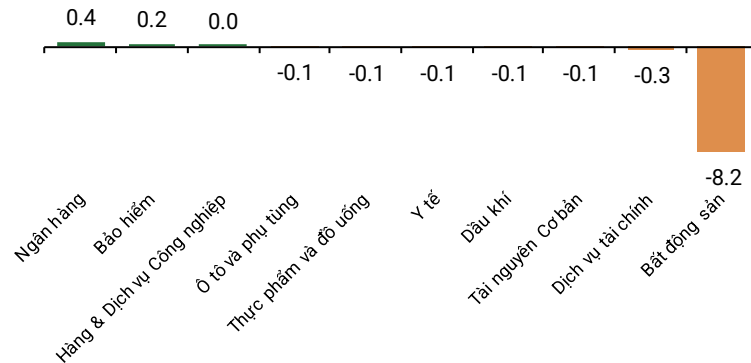
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

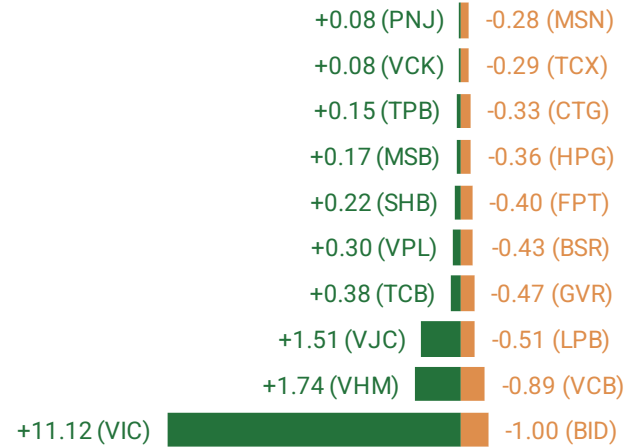
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



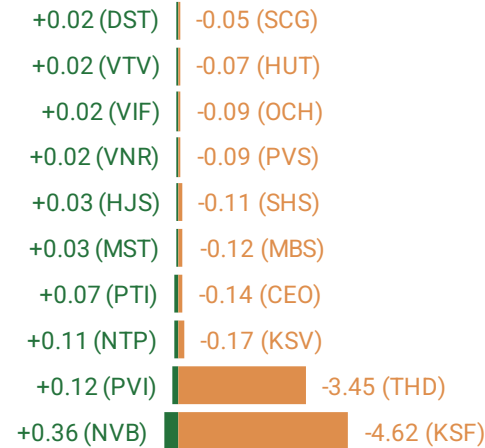
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

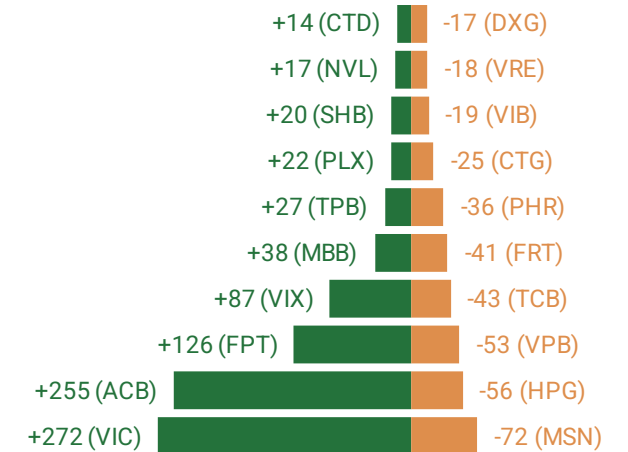


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

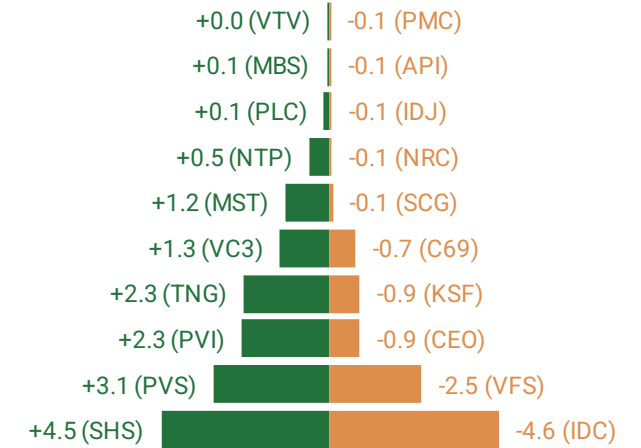


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

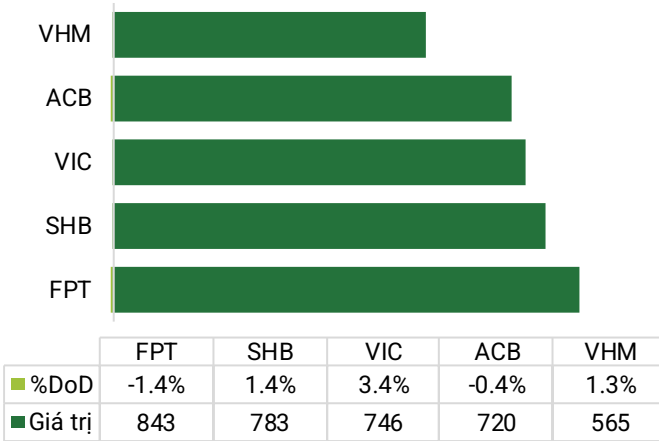
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



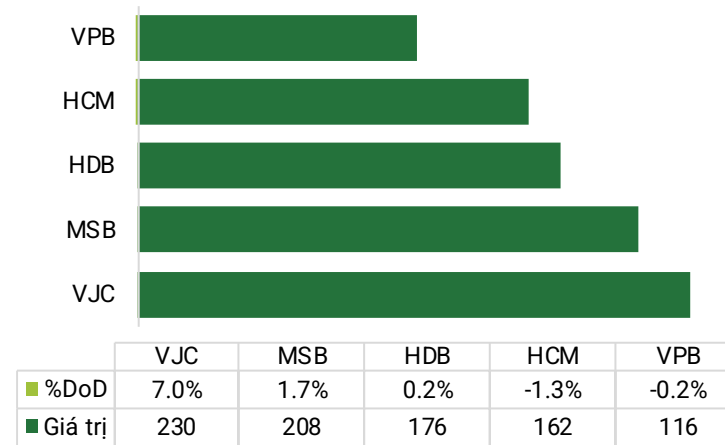
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



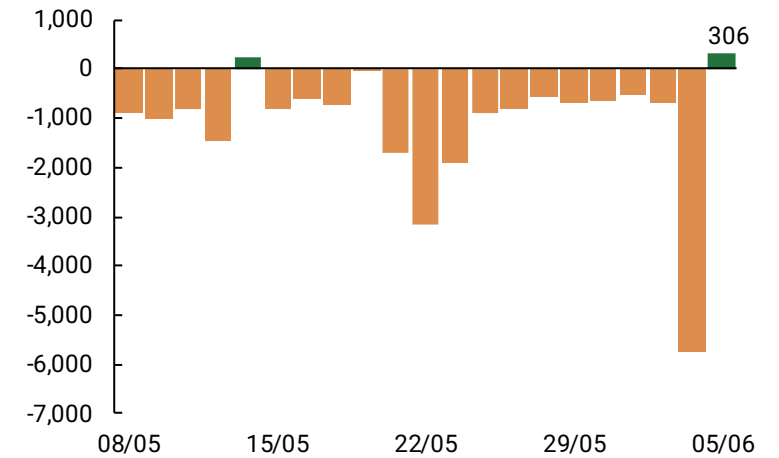
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



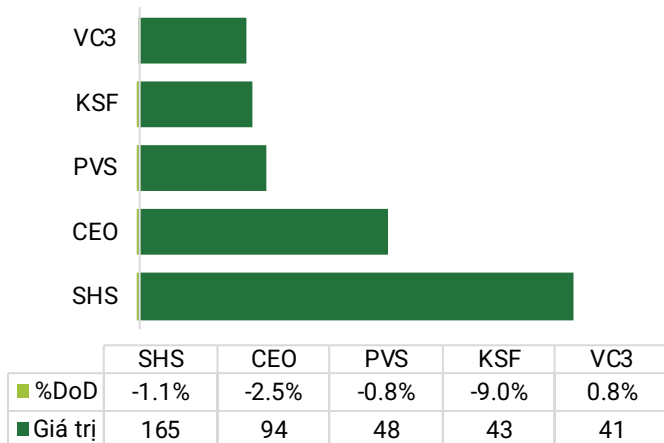
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



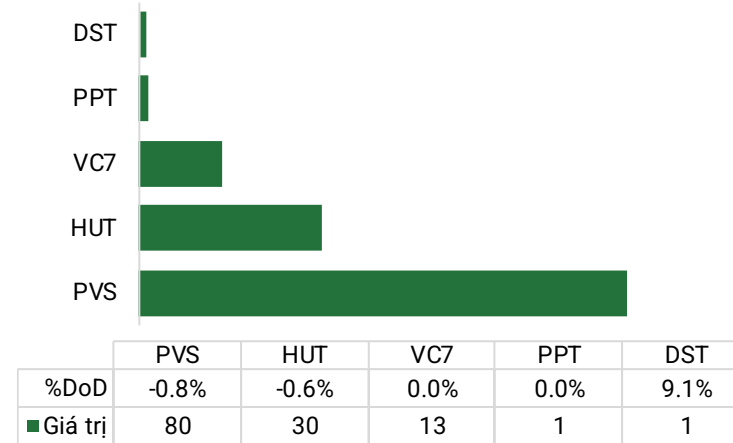
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



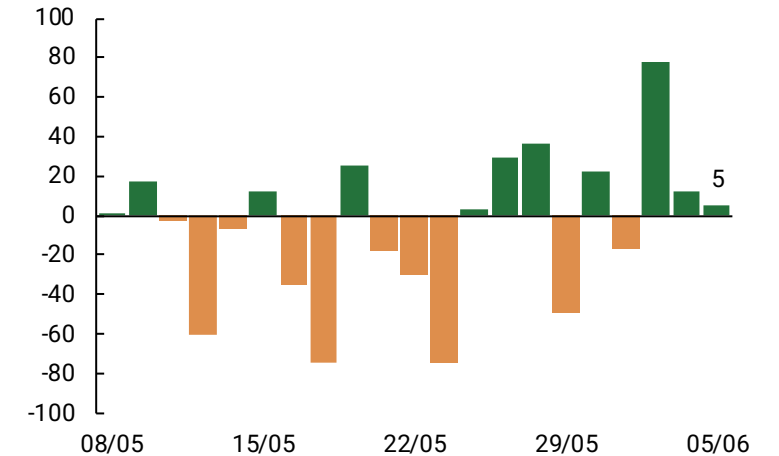
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh có bóng trên nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900 | 1950.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Thanh khoản thấp có thể thúc đẩy nhịp phục hồi kỹ thuật trong bối cảnh tiết cung. Chỉ báo RSI cũng bật tăng từ vùng 35 – 40 ủng hộ tín hiệu. Vùng kháng cự gần khả năng được kiểm định quanh 1850 – 1860 điểm, trong khi hỗ trợ thấp hơn nếu mốc 1800 điểm bị xuyên thủng là khu vực 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2040 | 2100.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số có thể phục hồi trong bối cảnh tiết cung, mục tiêu kiểm định lại mốc tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, áp lực điều chỉnh vẫn chi phối nên đà phục hồi sẽ kèm theo rung lắc. Ở chiều thận trọng, mốc hỗ trợ thấp nếu ngưỡng 1960 điểm bị xuyên thủng quanh khu vực 1900 điểm.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	--------------	---------------	-----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	25	25.9 - 26.1	-3.8%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	SAB	Mua	22/05/2026	-	47.8	47.8 - 48.2	-0.4%	53	10.4%	45.5	-5.2%	
3	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.7	63 - 63.5	-2.5%	70	10.7%	60	-5.1%	
4	VAB	Mua	04/06/2026	-	10.7	10.45 - 10.6	1.7%	11.6	10.2%	10	-5.0%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1982, giảm 0.4 điểm (0.02%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch khiến đà phục hồi chững lại.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI phục hồi từ mức quá bán cùng với MACD đã cắt lên đường signal, ủng hộ cho tín hiệu hồi phục. Dù vậy, vận động có thể còn tiếp tục giằng co quanh vùng 1975 – 1985 để kiểm định thêm xu hướng. Vị thế Long cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1986. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1974.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1896.2, giảm 3.6 điểm (-0.2%). Độ lệch basis 8.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 46 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1890 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1905 điểm.

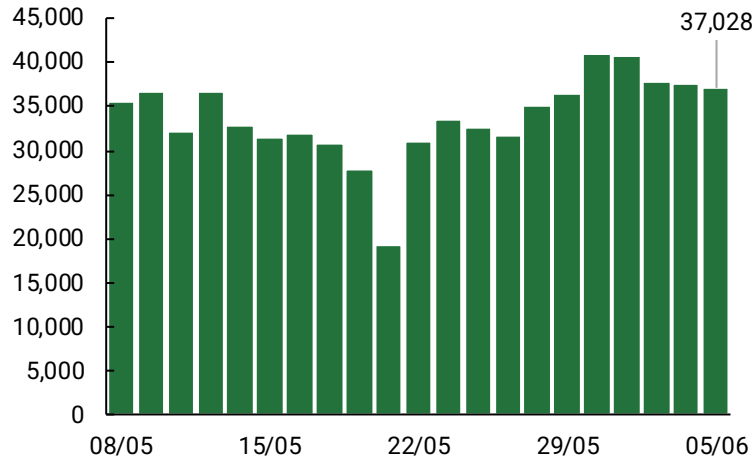
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1986	2000	1977	14 : 9
Short	< 1974	1960	1982	14 : 8

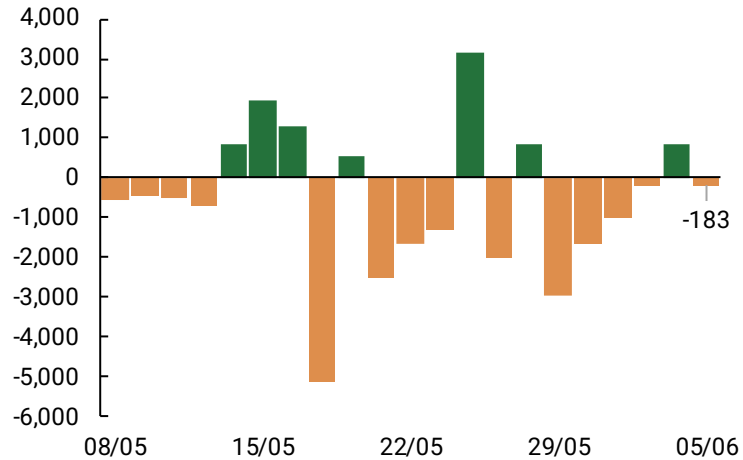
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,976.9	-1.7	41	173	2,002.4	-25.5	17/12/2026	195
4111G9000	1,980.0	1.2	19	498	1,994.8	-14.8	17/09/2026	104
4111G7000	1,975.6	-6.5	261	1,058	1,989.7	-14.1	16/07/2026	41
4111G6000	1,982.0	-0.4	131,247	37,028	1,987.3	-5.3	18/06/2026	13
4112G6000	1,896.2	-3.6	46	31	1,905.6	-9.4	18/06/2026	13

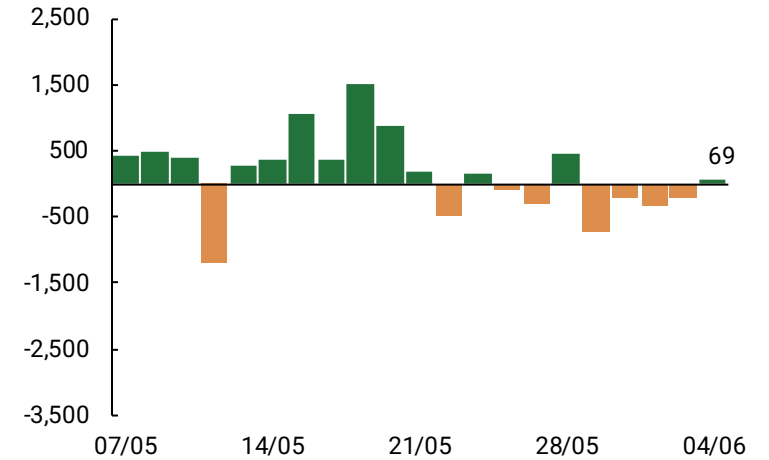
Khối lượng mở (Open interest)



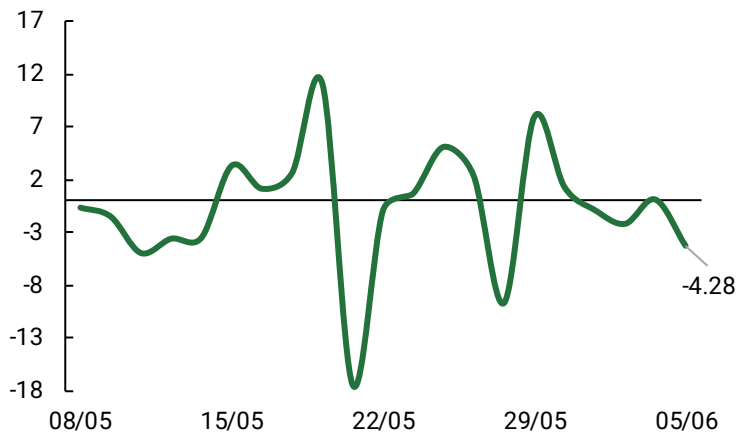
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



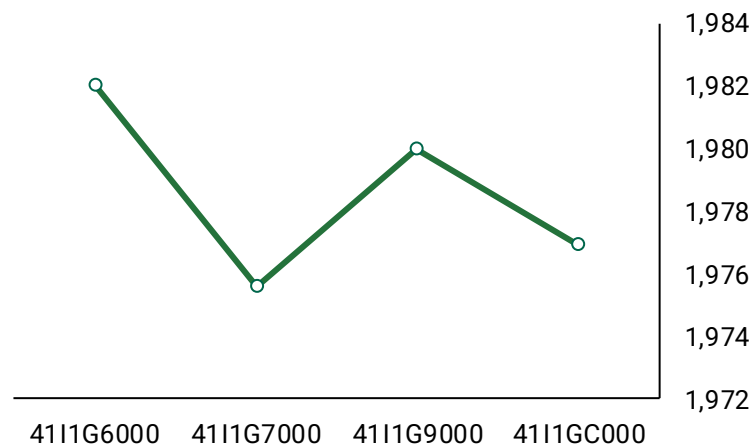
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



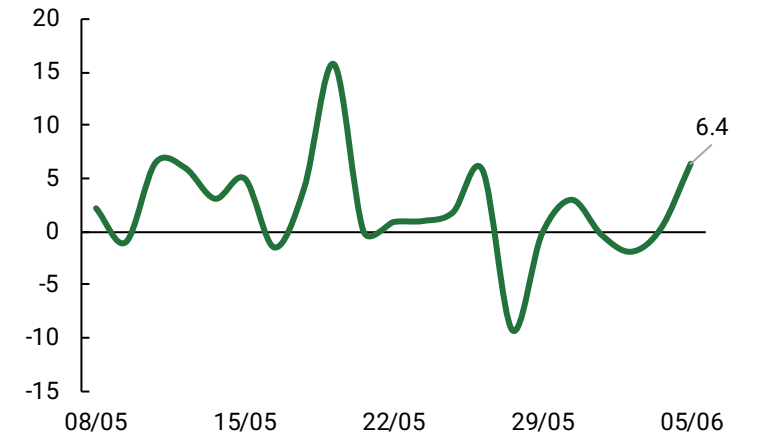
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	54,100	73,400	35.7%	Mua
CTG	33,900	45,200	33.3%	Mua
CTD	72,700	82,900	14.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,200	68,000	35.5%	Mua
DDV	26,237	35,900	36.8%	Mua
DGW	39,900	47,500	19.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,550	42,900	5.8%	Nắm giữ
DPR	41,650	46,500	11.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,584	17,200	17.9%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,150	14,400	9.5%	Nắm giữ
FRT	124,800	157,600	26.3%	Mua
GMD	76,200	92,700	21.7%	Mua
HAH	54,100	60,300	11.5%	Tăng tỷ trọng
HDG	23,200	34,000	46.6%	Mua
HHV	11,550	12,300	6.5%	Nắm giữ
HPG	23,750	30,700	29.3%	Mua
IMP	45,800	55,000	20.1%	Mua
KDH	22,900	38,800	69.4%	Mua
MCH	131,500	177,200	34.8%	Mua
MWG	78,000	115,600	48.2%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,000	34,000	36.0%	Mua
NLG	25,950	39,900	53.8%	Mua
NT2	22,550	27,700	22.8%	Mua
PHR	64,500	72,800	12.9%	Tăng tỷ trọng
PNJ	65,700	75,500	14.9%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,700	39,900	3.1%	Nắm giữ
PVT	20,000	18,900	-5.5%	Giảm tỷ trọng
POW	13,450	15,000	11.5%	Tăng tỷ trọng
SAB	47,800	57,900	21.1%	Mua
SSI	27,000	32,100	18.9%	Tăng tỷ trọng
TLG	48,600	50,900	4.7%	Nắm giữ
TCB	31,700	41,700	31.5%	Mua
TCM	20,650	35,300	70.9%	Mua
TRC	75,200	94,800	26.1%	Mua
VCB	61,700	84,200	36.5%	Mua
VPB	26,450	36,500	38.0%	Mua
VCG	19,500	26,200	34.4%	Mua
VHC	57,500	60,000	4.3%	Nắm giữ
VNM	58,400	66,650	14.1%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

[Text here]

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

[Text here]

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801